

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: BÁC SỸ THÚ Y

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TY02004: MÔ HỌC II (VETERINARY HISTOLOGY II)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 4
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 2 (Lý thuyết 1.5 – Thực hành 0.5 - Tự học 6)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 22 tiết
 - + Thực hành trong phòng thí nghiệm: 8 tiết
- Giờ tự học : 90 tiết
- Đơn vị phụ trách
 - Bộ môn: Giải phẫu – Tô chức – Phôi thai học
 - Khoa: Thú y
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Bắt buộc	Tự chọn	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần học song hành: TY02002 Giải phẫu vật nuôi 2; CN02305 Sinh lý động vật 2; TY02019 Vi sinh vật học thú y; TY02020 Bệnh lý học thú y 1; SN011033 Tiếng Anh 2
- Học phần tiên quyết: TY02003 Mô học I
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh Tiếng Việt

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mà học phần đáp ứng

** Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:*

Chuẩn đầu ra của CTĐT Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Kiến thức chuyên môn	
CDR3: Áp dụng kiến thức thú y vào việc chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi một cách hiệu quả	3.2. Áp dụng kiến thức thú y vào điều trị cho vật nuôi
Kỹ năng chung	
CDR5: Vận dụng tư duy phân biện và sáng tạo vào giải quyết các vấn đề một cách hiệu quả	5.4: Vận dụng tư duy phân biện và sáng tạo trong việc đưa ra các ý tưởng khi giải quyết vấn đề
Kỹ năng chuyên môn	
CDR 10: Sử dụng công nghệ thông tin và các thiết bị hiện đại của ngành thú y phục vụ công tác chẩn đoán, phòng trị bệnh và quản lý dịch bệnh động vật đạt mục tiêu đề ra.	10.2. Sử dụng các trang thiết bị hiện đại của ngành thú y phục vụ công tác chẩn đoán, phòng trị bệnh và quản lý dịch bệnh động vật đạt mục tiêu đề ra

Chuẩn đầu ra của CTĐT Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
CDR 11: Nghiên cứu khoa học giải quyết thành công các vấn đề của lĩnh vực thú y.	11.3. Triển khai đúng cách các phương pháp chẩn đoán, phòng trị bệnh vật nuôi
	11.4. Vận dụng các kết quả nghiên cứu vào việc giải quyết thành công các vấn đề của lĩnh vực thú y
Thái độ	
CDR 13: Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, nâng cao sức khoẻ cho con người và thể hiện lòng yêu quý động vật.	13.2. Thể hiện lòng yêu quý động vật

III. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của học phần

* **Mục tiêu:** Học phần cung cấp các kiến thức về cấu tạo vi thể, siêu vi thể và chức năng của các cơ quan, hệ cơ quan chính của cơ thể động vật; rèn kỹ năng đọc tiêu bản mô học một số cơ quan đại diện các hệ cơ quan; giúp nhận thức rõ sự tỉ mỉ, nghiêm túc, khoa học khi làm việc trong phòng thí nghiệm.

* **Kết quả học tập mong đợi của học phần**

Học phần đóng góp cho các Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau: *I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)*

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT					
		3.2	5.4	10.2	11.3	11.4	13.2
TY02004	Mô học II	P	P	P	I	P	P

Ký hiệu	KQHTMĐ của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	Chỉ báo CDR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Áp dụng kiến thức về cấu tạo và chức năng của các hệ cơ quan vào việc phòng trị bệnh cho vật nuôi	3.2
Kỹ năng		
K2	Vận dụng tư duy phân biện và sáng tạo về hình thái cấu trúc của các cơ quan trong cơ thể	5.4
K3	Xác định trang thiết bị hiện đại để nghiên cứu cấu trúc vi thể của các cơ quan trong cơ thể	10.2
K4	Vận dụng đúng các phương pháp nghiên cứu mô học	11.3
K5	Vận dụng các kết quả nghiên cứu vào việc nghiên cứu cấu trúc vi thể của các cơ quan trong cơ thể	11.4
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K6	Thể hiện trách nhiệm trong khám chữa bệnh cho vật nuôi	13.2

IV. Nội dung tóm tắt của học phần

TY02004. Mô học 2 (Veterinary Histology 2). (2TC: 1,5-0.5-6). Nội dung: học phần gồm các kiến thức cơ bản về cấu tạo vi thể và chức năng cơ bản của Hệ thần kinh; Hệ mạch quản và khí quan tạo huyết; Hệ nội tiết; Hệ tiêu hoá; Hệ hô hấp; Hệ tiết niệu; Hệ sinh dục. **Phương**

pháp giảng dạy: Sinh viên nghe giảng trên lớp và thực hành tại phòng thí nghiệm kết hợp với tự học, tự tham khảo tài liệu và trao đổi với bạn bè, thầy cô. Sinh viên làm thực hành dưới sự hướng dẫn của giảng viên. **Phương pháp đánh giá:** Chuyên cần: 10%, kiểm tra giữa kỳ: 30%, thi cuối kỳ: 60%.

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

Bảng 1: Phương pháp giảng dạy

KQHTMD PPGD	K1	K2	K3	K4	K5	K6
Thuyết giảng	x	x	x			x
Thực hành	x	x		x	x	x

2. Phương pháp học tập

Nghe giảng, thảo luận trên lớp học, trong giờ thực hành và tự học ở nhà

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

Mọi sinh viên phải dự lớp lý thuyết đầy đủ (22 tiết) theo quy chế Học viện

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải dự lớp đủ thời gian quy định mới được phép dự thi hết môn.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc trước nội dung trong phần bài giảng Mô học II.
- Thuyết trình và thảo luận: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải làm đầy đủ các tiểu luận và các bài seminar theo yêu cầu của giảng viên.
- Thực hành: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia đầy đủ 03 buổi thực hành cá nhân/ nhóm 20 - 25 sinh viên.
- Sinh viên tự tham khảo tài liệu liên quan tới học phần theo hướng dẫn của giáo viên.
- Thi cuối kì: sinh viên phải dự thi hết môn theo một trong các hình thức sau: thi viết, vấn đáp hoặc trắc nghiệm. Sau khi đã hoàn thành các nội dung trên (nếu không hoàn thành các nội dung trước sẽ không được dự thi hết môn).

VII. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

Điểm chuyên cần 10 %

Điểm kiểm tra giữa kì (thực hành) 30%

Điểm kiểm tra cuối kì 60%

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 2. Ma trận đánh giá

KQHTMD	K1	K2	K3	K4	K5	K6	Thời gian/tuần học
Đánh giá quá trình (40%)							
Chuyên cần (10%)						x	1-8
Thi giữa kỳ (thực hành) (30%)	x		x	x			5-8

Đánh giá cuối kì (60%)							
Thi cuối kì (60%)	x	x			x		Theo lịch thi của Học viện

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 10 - 8.5 điểm	Khá 8.4 – 6.5 điểm	Trung bình 6.4 – 4.0 điểm	Kém Dưới 4 điểm	
Thái độ tham dự	50	Chủ động, đúng giờ, tích cực trả lời câu hỏi 5 điểm	Chú ý, trả lời tốt câu hỏi	Có chú ý, không tham gia thảo luận và trả lời câu hỏi	Không chú ý/không tham gia	
Thời gian tham dự	50	SV tham gia 80% số buổi trở lên thì được đủ 50%; vắng 1 buổi không lý do chính đáng bị trừ 10%.				

Rubric 2 : Đánh giá thực hành

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 10 - 8.5 điểm	Khá 8.4 – 6.5 điểm	Trung bình 6.4 – 4.0 điểm	Kém Dưới 4 điểm
Thái độ tham dự	20	Tích cực học và trao đổi	Có tham gia thảo luận	Ít tham gia thảo luận	Không tham gia thảo luận
Kết quả thực hành	80	Giải thích và chứng minh rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh không rõ ràng

Rubric 3: Đánh giá cuối kì (tự luận)

Bảng 3. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
K1	Chỉ báo 1: Hiểu rõ kiến thức về cấu tạo và chức năng của các hệ cơ quan trong cơ thể vật nuôi
K2	Chỉ báo 2: Mô tả được cấu tạo các hệ cơ quan trong cơ thể động vật.
	Chỉ báo 4: Đánh giá được sự thay đổi của các hệ cơ quan trong cơ thể động vật ở trạng thái sinh lý bình thường hoặc trong trường hợp nhiễm bệnh
K5	Chỉ báo 5: Vận dụng được kiến thức về cấu tạo và chức năng của các hệ cơ quan động vật trong việc chẩn đoán và phòng trị bệnh vật nuôi

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- Chủ động chuẩn bị bài và trả lời các câu hỏi thảo luận trên lớp
- Bắt buộc tham dự 100% giờ thực hành
- Chăm thận, tỉ mỉ, không sợ khó

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* *Sách giáo trình/Bài giảng: (Liệt kê ít nhất 1 giáo trình)*

- Viet, D.D, Tam, T.T.D., Son, H.M, Diep, N.V, Trang, P.H.T (2021). Bài giảng Mô học II.

* *Tài liệu tham khảo khác: (Liệt kê ít nhất 3 tài liệu tham khảo)*

- Giáo trình “Tổ chức học - Phôi thai học” 1980. Nguyễn Xuân Hoạt, Phạm Đức Lộ. NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp Hà Nội.
- Giáo trình Giải phẫu gia súc, Sinh lý gia súc, Sinh hóa động vật.
- Histology and Cell Biology an introduction to Pathology (2002). AbrahamL. Kierszenbaum, MD, PhD - Mosby.
- Các tài liệu, hình ảnh, phim minh họa khai thác trên internet.

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
	Bài mở đầu và Chương 1	
1	A/Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung GD lý thuyết: Giới thiệu môn học, Chương I. Hệ thần kinh (Tủy sống, tiểu não, đại não) Nội dung thực hành: (1 tiết)	K1, K2, K3, K4, K5, K6
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 tiết) Cấu tạo vi thể, chức năng của Tủy sống, Tiểu não, Đại não	K1, K2, K3, K4, K5, K6
	Chương 2. Hệ mạch máu và khí quan tạo huyết	
2	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung GD lý thuyết: Cấu tạo và chức năng Hạch lâm ba, Lách, Nội dung thực hành: (1 tiết)	K1, K2, K3, K4, K5, K6
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 tiết) Cấu tạo và chức năng Hạch lâm ba, Lách	K1, K2, K3, K4, K5
	Chương 3. Hệ nội tiết	
3	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung GD lý thuyết: Cấu tạo và chức năng của Tuyến yên tuyến thượng thận, tuyến giáp. Nội dung thực hành: (1 tiết)	K1, K2, K3, K4, K5, K6
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 tiết) Cấu tạo và chức năng của Tuyến yên tuyến thượng thận, tuyến giáp	K1, K2, K3, K4, K5
	Chương 4. Hệ tiêu hóa	
4	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3,5 tiết) Cấu tạo và chức năng các đoạn ống tiêu hóa, tuyến tiêu hóa Nội dung thực hành: (1,5 tiết)	K1, K2, K3, K4, K5, K6
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 tiết) Cấu tạo và chức năng các đoạn ống tiêu hóa, tuyến tiêu hóa	K1, K2, K3, K4, K5, K6
	Chương 5. Hệ hô hấp	
5	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung GD lý thuyết: Cấu tạo và chức năng của Đường hô hấp và bộ phận hô hấp	K1, K2, K3, K4, K5, K6

	Nội dung thực hành: (1 tiết)	
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 tiết) Cấu tạo và chức năng của Đường hô hấp và bộ phận hô hấp	K1, K2, K3, K4, K5, K6
	Chương 6. Hệ tiết niệu	
6	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung GD lý thuyết: Cấu tạo và chức năng của Thận và đường dẫn niệu Nội dung thực hành: (1 tiết)	K1, K2, K3, K4, K5, K6
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 tiết) Cấu tạo và chức năng của Thận và đường dẫn niệu	K1, K2, K3, K4, K5, K6
	Chương 7. Hệ sinh dục	
7	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3,5 tiết) Nội dung GD lý thuyết: Cấu tạo và chức năng của Bộ máy sinh dục đực, bộ máy sinh dục cái Nội dung thực hành: (1.5 tiết)	K1, K2, K3, K4, K5, K6
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (5 tiết) Cấu tạo và chức năng của Bộ máy sinh dục đực, bộ máy sinh dục cái	K1, K2, K3, K4, K5, K6

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Giảng đường có thiết bị phục vụ trình chiếu
- Bố trí nhóm thực hành không quá 25 sinh viên/nhóm
- Phân bổ kinh phí đảm bảo duy trì và mua mới/làm mới định kỳ hàng năm tiêu bản thực tập.
- Bổ sung thêm kính hiển vi phục vụ việc học thực tập.
- Các phương tiện khác: vật nuôi và hóa chất, dụng cụ thực tập

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lại Thị Lan Hương

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

Bùi Trần Anh Đào

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2022
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Hoàng Minh Sơn



PHÓ GIÁM ĐỐC
GS.TS. Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Trần Thị Đức Tâm	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: Phòng 104–Khoa Thú y – Học viện Nông nghiệp Việt Nam– Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ:
Email: tddtam@vnua.edu.vn	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/thu_y/
Cách liên lạc với giảng viên: Email/ gặp trực tiếp tại bộ môn	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Hoàng Minh Sơn	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: Phòng 104–Khoa Thú y – Học viện Nông nghiệp Việt Nam– Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ:
Email: hson@vnua.edu.vn	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/thu_y/
Cách liên lạc với giảng viên: Email/ gặp trực tiếp tại bộ môn	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Phạm Hồng Trang	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: Phòng 104–Khoa Thú y – Học viện Nông nghiệp Việt Nam– Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ:
Email: phtrang@vnua.edu.vn	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/thu_y/
Cách liên lạc với giảng viên: Email/ gặp trực tiếp tại bộ môn	

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Trần Thị Đức Tâm	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: Phòng 104–Khoa Thú y – Học viện Nông nghiệp Việt Nam– Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ:
Email: ttdtam@vnua.edu.vn	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/thu_y/
Cách liên lạc với giảng viên: Email/ gặp trực tiếp tại bộ môn	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Hoàng Minh Sơn	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: Phòng 104–Khoa Thú y – Học viện Nông nghiệp Việt Nam– Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ:
Email: hson@vnua.edu.vn	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/thu_y/
Cách liên lạc với giảng viên: Email/ gặp trực tiếp tại bộ môn	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Phạm Hồng Trang	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: Phòng 104–Khoa Thú y – Học viện Nông nghiệp Việt Nam– Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ:
Email: phtrang@vnua.edu.vn	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/thu_y/
Cách liên lạc với giảng viên: Email/ gặp trực tiếp tại bộ môn	

Các đợt cải tiến

- Lần 1: Tháng 8/2018: Cập nhật tài liệu tham khảo
- Lần 2: Tháng 8/2019: Cập nhật chương Hệ thần kinh
- Lần 3: Tháng 8/2020: Cập nhật chương Hệ tiêu hoá
- Lần 4: Tháng 8/2021: Cập nhật chương Hệ hô hấp
- Lần 5: Tháng 8/2022: Cập nhật chương Hệ tiết niệu

